TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2026/HSST
Ngày: 19-06-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đức Thúy.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thơ và ông Nguyễn Công Thẩm.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Trọng Nghĩa – Thẩm tra viên Toà án nhân dân Khu vực 1 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Nghệ An: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12 và 19 tháng 06 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2026/HSST ngày 02/04/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2026/QĐXXST-HS ngày 28/04/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 76/2026/HSST-QĐ ngày 14/5/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn D;** Sinh ngày 02/07/1981 tại tỉnh A; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khối A, phường A, tỉnh B; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty CP tư vấn kiểm định xây dựng 36; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn M (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H (đã chết); Có vợ: Đậu Thị H, sinh năm 1982 và 02 con lớn sinh năm 2007 và nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Hữu K,** Sinh ngày 12/11/1982 tại tỉnh B; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Phòng A, Chung cư A, khối B, phường B, tỉnh B; Nghề nghiệp: Trưởng phòng thí nghiệm Công ty CP tư vấn kiểm định xây dựng 36; Trình độ văn hóa:12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà: Phan Thị M (đã chết); Vợ:

Tông Thị T, sinh năm 1989; Con có 02 người, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa

3. Họ và tên: **Lê Ngọc H**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 11/11/1984 tại tỉnh B; Nơi thường trú và nơi ở: Khối C, phường C, tỉnh B; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty CP xây dựng và thương mại 84; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam.Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Ngọc H, sinh năm 1957 và bà: Đinh Thị P, sinh năm 1950; Vợ: Phan Thị M, sinh năm 1992; Con có 02 người, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa

4. Họ và tên: **Lê Thị N**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 06/5/1985 tại tỉnh B; Nơi thường trú và nơi ở: Khối D, phường D, tỉnh B; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty CP tư vấn kiểm định xây dựng 36; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Tài C (đã chết) và bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1959; Chồng: Đặng Vinh A (đã ly hôn) và có 02 con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa

5. Họ và tên: **Nguyễn Đình T**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 16/10/1978 tại tỉnh B; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Khối E, phường C, tỉnh B; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty CP tư vấn kiểm định xây dựng 36; Con ông: Nguyễn Đình H, sinh năm 1938 và bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1943; Vợ: Hồ Thị L, sinh năm 1986; Có 02 người con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Nguyễn Xuân V**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 05/03/1985 tại tỉnh B; Nơi thường trú và nơi ở: Khối F, phường E, tỉnh B; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty CP Đầu tư xây dựng 1 Nghệ An; Là Đảng viên

Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị xóa tên trong danh sách Đảng viên; Con ông: Nguyễn Xuân V, sinh năm 1958 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1962; Vợ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1985; Có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa

7. Họ và tên: **Nguyễn Hữu H**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 02/11/1979 tại tỉnh B; Nơi thường trú và chỗ ở: Khối G, phường E, tỉnh B; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty CP tư vấn xây dựng 879; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu C, sinh năm 1940; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1949; Vợ: Võ Thị P, sinh năm 1987; Có 04 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa

8. Họ và tên: **Nguyễn Dũng H**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 01/01/1974 tại tỉnh B; Nơi thường trú và nơi ở: Khối H, phường D, tỉnh B; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty CP Lamriver; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Dũng T (đã chết) và bà: Hồ Thị T, sinh năm 1941; Vợ: Nguyễn Thanh M, sinh năm 1982 (đã ly hôn); Có 01 người con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa

9. Họ và tên: **Nguyễn Đức N**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 18/03/1985 tại tỉnh B; Nơi thường trú và nơi ở: Khối I, phường D, tỉnh B; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; Con ông: Nguyễn Đức N, sinh năm 1958 và bà: Phạm Thị M, sinh năm 1955; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; Có 02 người con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

10. Họ và tên: **Trần Văn K**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 04/02/1981 tại tỉnh B; Nơi thường trú và nơi ở: Xóm A, xã A, tỉnh B. Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Nhân viên kỹ thuật Công ty CP tư vấn xây dựng 879; Con ông: Trần Văn

M (đã chết) và bà: Vương Thị M, sinh năm 1952; Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1988; Có 02 người con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa

11. Họ và tên: **Đinh Hoàng G**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 24/6/1978 tại tỉnh B; Nơi thường trú và nơi ở: Xóm B, xã B, tỉnh B; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Nhân viên kỹ thuật CTCP tư vấn thiết kế và xây dựng ATD; Con ông: Đinh Trung T, sinh năm 1939; Con bà: Hoàng Thị Hồng Y, sinh năm 1941; Vợ: Lương Thúy A, sinh năm 1985; Có 02 người con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa

12. Họ và tên: **Trần Hoài N**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 19/6/1978 tại tỉnh B; Trú tại: Khối J, phường B, tỉnh B. Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty CP tư vấn xây dựng 879; Con ông: Trần Tiến L, sinh năm 1944 và bà: Vương Thị N, sinh năm 1949; Vợ: Kiều Thị Thanh C, sinh năm 1978; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa

13. Họ và tên: **Phạm Xuân V**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 26/9/1983 tại tỉnh B; Trú tại: Khối K, phường E, tỉnh B; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty CP ĐTXDTM Decons; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Xuân K (đã chết) và bà: Lê Thị T, sinh năm 1945; Vợ: Đoàn Thị Ngọc H, sinh năm 1988; Có 02 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa

14. Họ và tên: **Phan Thanh T**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 09/10/1983 tại tỉnh B; Nơi thường trú và nơi ở: Khối L, xã C, tỉnh B; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH xây dựng Trà Lân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phan Trọng M (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1957; Vợ: Nguyễn Thị A, sinh năm 1986;

Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa

15. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 03/04/1990 tại tỉnh B; Nơi thường trú và nơi ở: Khối M, phường A, tỉnh B. Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty CPĐTXDTM Decons; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; Có 01 người con sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 15/09/2025 đến nay; Có mặt tại phiên tòa

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty CP tư vấn xây dựng 879. Vắng mặt

Địa chỉ: Số nhà A, đường A, khối G, phường E, tỉnh B.

2.2. Công ty CP Lamriver. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối H, phường D, tỉnh B.

2.3. Công ty CP tư vấn xây dựng và thương mại 84. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm C, phường A, tỉnh B.

2.4. Công ty TNHH xây dựng Trà Lân. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối L, xã C, tỉnh B.

2.5. Công ty CP tư vấn kiểm định xây dựng 36. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm D, phường A, tỉnh B.

2.6. Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại Decons. Vắng mặt

Địa chỉ: Số A, đường B, khối K, phường E, tỉnh B.

2.7. Công ty CP tư vấn xây dựng và dịch vụ lao động Nghệ An. Vắng mặt

Địa chỉ: Số B, đường C, phường E, tỉnh B.

2.8. Công ty TNHH tư vấn xây dựng và đào tạo HDT. Vắng mặt

Địa chỉ: Số C, đường D, phường B, tỉnh B.

2.9. UBND xã Đại Đồng (trước là UBND xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

Địa chỉ: Số D, đường E, khối N, xã D, tỉnh B

2.10. Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng khu vực Nam Đàn (trước là Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện Nam Đàn). Vắng mặt

Địa chỉ: Khối O, xã E, tỉnh B.

2.11. Hội chữ thập đỏ tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

Địa chỉ: Số E, F, phường E, tỉnh B.

2.12. Ban quan lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Con Cuông (trước là Ban quan lý dự án đầu tư xây dựng huyện Con Cuông). Vắng mặt

Địa chỉ: Khối L, thị trấn A, huyện A (nay là Khối L, xã C), tỉnh B.

2.13. UBND phường Vinh Lộc (trước là xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

Địa chỉ: Số F, đường G, phường C, tỉnh B.

2.14. UBND phường Cửa Lò (trước là UBND phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

Địa chỉ: Số G, đường H, phường F, tỉnh B.

2.15. Ông Võ Văn P, sinh năm 1966. Vắng mặt

Địa chỉ: Số H, đường E, phường E, tỉnh B.

2.16. Ông Hoàng Hải N, sinh năm 1978. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối P, phường D, tỉnh B.

2.17. Anh Hà Đình T, sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối J, phường B, tỉnh B.

2.18. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1964. Vắng mặt

Địa chỉ: Số B, đường C, phường E, tỉnh B.

2.19. Anh Đặng Trung Đ, sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm E, xã B, tỉnh B.

2.20. Anh Nguyễn Chí M, sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối Q, phường D, tỉnh B.

2.21. Anh Lê Văn D, sinh năm 1988. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã F, tỉnh B.

2.22. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1981. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm F, xã G, tỉnh B.

2.23. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối R, phường E, tỉnh B.

2.24. Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối S, phường C, tỉnh B.

2.25. Ông Dương Văn S, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm G, xã H, tỉnh B.

2.26. Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1980. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối T, phường E, tỉnh B.

2.27. Chị Đậu Thị Hà T, sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối G, phường B, tỉnh B.

2.28. Bà Võ Thị P, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối G, phường E, tỉnh B.

2.29. Bà Nguyễn Thị Hải A, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm H, xã I, tỉnh B.

2.30. Anh Hồ Ngọc K, sinh năm 1991. Vắng mặt

Nơi thường trú: Số E, ngõ A, đường I, phường E, tỉnh B.

Nơi ở hiện nay: Phòng B, chung cư B, phường E, tỉnh B.

2.31. Chị Phan Thị M, sinh năm 1992. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối C, phường C, tỉnh B.

2.32. Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1971. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm E, xã B, tỉnh B.

2.33. Bà Thái Thị H, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: Khối U, phường D, tỉnh B.

3. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu K: Luật sư Phan Thị Ngọc – Công ty luật Hồng Đức PTN. Có mặt

Địa chỉ: Khối 13 Cửa Nam, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng 36 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 4 năm 2014 và được Bộ Xây dựng cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 206/GCN-BXD ngày 15 tháng 6 năm 2023 (sau đây gọi tắt là Công ty 36). Khi thành lập và hoạt động, Nguyễn Văn D là Giám đốc, người đại diện pháp luật; Lê Thị N là Phó Giám đốc; Nguyễn Hữu K là Trưởng phòng thí nghiệm và Nguyễn Đình T là nhân viên kỹ thuật. Kết quả điều tra xác định trong thời gian từ năm 2021 đến năm 2025, lợi dụng chức năng, nhiệm vụ của mình Nguyễn Văn D và các đối tượng đã thực hiện hành vi làm giả hồ sơ thí nghiệm xây dựng cho các Công ty đối tác với mục đích nghiệm thu, thanh quyết toán công trình và thu lợi bất chính.

Theo quy định pháp luật, nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng có trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với đơn vị thí nghiệm. Quá trình thí nghiệm xuyên suốt từ khi chuẩn bị đưa vật

liệu xây dựng vào công trình đến khi hoàn thiện thi công đưa vào sử dụng, đơn vị thí nghiệm phải cử nhân viên thí nghiệm có chứng chỉ đến hiện trường để lấy mẫu để thí nghiệm theo quy định. Quá trình lấy mẫu phải lập các biên bản lấy mẫu tại hiện trường có sự tham gia của đại diện nhà thầu và đơn vị tư vấn giám sát. Tuy nhiên, trong quá trình thi công, do muốn giảm chi phí và kịp tiến độ thi công nên một số nhà thầu không thực hiện các hoạt động thí nghiệm mà liên hệ với Công ty 36 nhờ làm giả hồ sơ thí nghiệm vật liệu xây dựng để nghiệm thu, thanh toán.

Quá trình điều tra xác định phương thức thực hiện hành vi của các đối tượng, như sau: Để lập khống hồ sơ thí nghiệm, đơn vị nhà thầu thi công gửi thông tin (các danh mục vật liệu xây dựng cần thí nghiệm và thời gian phù hợp với quá trình thi công) qua mạng xã hội Zalo hoặc điện thoại cho Công ty 36 để chỉnh sửa các kết quả, thông số kỹ thuật và thời gian trên các mẫu "Báo cáo kết quả thí nghiệm" theo các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn liên quan đáp ứng điều kiện yêu cầu kỹ thuật và phù hợp thời gian theo yêu cầu của phía nhà thầu chứ không có kết quả thực tế từ công tác thí nghiệm. Sau khi nhận được tài liệu thí nghiệm lập khống của Công ty 36, nhà thầu thi công hoàn thiện hồ sơ quản lý chất lượng và nộp cho chủ đầu tư để nghiệm thu và thanh toán công trình. Tùy thuộc vào giá trị xây lắp của mỗi công trình thì chi phí làm giả mỗi bộ hồ sơ thí nghiệm Công ty 36 thu từ 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đến 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), nếu lấy mẫu và gửi mẫu vật liệu xây dựng đi thí nghiệm thực tế thì chi phí này là rất lớn nên các đơn vị đã bỏ qua việc thí nghiệm vật liệu xây dựng và chỉ nhờ làm giả hồ sơ để hoàn thiện thanh toán theo quy định. Công ty 36 đã thực hiện hành vi làm giả hồ sơ các các Công ty sau:

1. Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng 879 (địa chỉ: khối G, phường E, tỉnh B; Giám đốc, người đại diện pháp luật là Nguyễn Hữu H) hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (sau đây gọi tắt là Công ty 879). Năm 2022, Công ty 879 thi công Công trình "Xây dựng các tuyến mương tại thôn Yên Đình, xã Thanh Ngọc (Tuyến 1 từ đồng Rồng đến cụm Kiêng; Tuyến 2 từ mương chính đến đồng Hội; Tuyến 3 từ mương chính đi đồng Xép" do Ủy ban nhân dân xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương (cũ) làm chủ đầu tư. Năm 2023, Công ty 879 thi công Công trình "Xây dựng tuyến mương tưới từ cổng bà Bảy đi vùng Đồng Cút, thôn Yên Lạc, xã Thanh Ngọc" do Ủy ban nhân dân xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương (cũ) làm chủ đầu tư. Năm 2023, Công ty 879 thi công Công trình "Xây dựng mương tưới đập thống nhất đến vườn anh Mão, thôn Yên Xuân, xã Thanh Ngọc" do Ủy ban nhân dân xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương (cũ) làm chủ đầu tư. Trong

quá trình thi công 03 công trình trên, Công ty 879 không thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng cho đến khi làm hồ sơ quản lý chất lượng công trình. Để làm hồ sơ nghiệm thu, quyết toán thì Nguyễn Hữu H đã chỉ đạo nhân viên công ty là Trần Hoài N và Trần Văn K liên hệ với Nguyễn Văn D (Giám đốc Công ty 36) để thuê làm giả tài liệu thí nghiệm vật liệu các công trình trên. Nguyễn Văn D chỉ đạo Nguyễn Hữu K (Trưởng phòng thí nghiệm Công ty 36) thực hiện việc chỉnh sửa các kết quả thí nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn liên quan đáp ứng điều kiện yêu cầu và phù hợp thời gian theo yêu cầu của phía nhà thầu chứ không thực hiện thí nghiệm để xác định kết quả thực tế. Sau khi làm giả xong tài liệu thí nghiệm, Nguyễn Văn D chuyển cho Nguyễn Hữu H nhưng H chưa thanh toán tiền cho D. Sau khi nhận được 03 tài liệu thí nghiệm giả 03 công trình của Công ty 36, Công ty 879 hoàn thiện hồ sơ và nộp cho chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân xã Thanh Ngọc để nghiệm thu và quyết toán công trình. Nguyễn Hữu H không đưa cho ông Võ Văn P – Giám đốc Công ty TNHH tư vấn xây dựng 189 (địa chỉ: ngõ B, ngách A, đường J, phường C, tỉnh B) là đơn vị được chủ đầu tư hợp đồng thuê giám sát đối với các công trình trên để ký vào tài liệu thí nghiệm giả và ông P cũng không biết về việc làm giả và sử dụng tài liệu thí nghiệm giả đối với 03 công trình trên và 03 công trình đã được nghiệm thu, quyết toán và đưa vào sử dụng.

2. Công ty Cổ phần Lamriver (Giám đốc, người đại diện pháp luật là Nguyễn Dũng H) hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Năm 2024, Công ty Cổ phần Lamriver thi công Công trình "Sửa chữa đường trại Cá xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An" do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Đàn (cũ) làm chủ đầu tư. Trong quá trình thi công Công ty Cổ phần Lamriver không thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng cho đến khi làm hồ sơ quản lý chất lượng công trình để làm hồ sơ nghiệm thu, quyết toán thì Nguyễn Dũng H đã liên hệ với Lê Thị N (Phó Giám đốc Công ty 36) để thuê làm giả tài liệu thí nghiệm vật liệu công trình trên. N giao cho Nguyễn Hữu K (nhân viên Công ty 36) thực hiện việc chỉnh sửa các kết quả thí nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn liên quan đáp ứng điều kiện yêu cầu và phù hợp thời gian theo yêu cầu của phía nhà thầu chứ không thực hiện thí nghiệm để xác định kết quả thực tế. Sau khi làm giả xong tài liệu thí nghiệm, N chuyển cho Nguyễn Dũng H và nhận số tiền chi phí làm giả hồ sơ thí nghiệm là 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau khi nhận được 01 tài liệu thí nghiệm giả của Công ty 36, H tự ký vào mục tư vấn giám sát mang tên Hoàng Hải N là nhân viên Công ty TNHH tư vấn xây dựng và đào tạo HDT do ông Hà Đình T làm Giám đốc (đơn vị được chủ đầu tư hợp đồng thuê

giám sát đối với công trình) hoàn thiện hồ sơ và nộp cho chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Đàn để nghiệm thu và quyết toán công trình. Công trình "Sửa chữa đường trại Cá xã Nam Giang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An" đã được nghiệm thu, quyết toán và đưa vào sử dụng.

3. Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại 84 (Giám đốc, người đại diện pháp luật là Lê Ngọc H) hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (sau đây gọi tắt là Công ty 84). Năm 2024, Công ty 84 thi công Công trình "Sửa chữa trụ sở làm việc Hội chữ thập đỏ tỉnh Nghệ An" do Hội chữ thập đỏ tỉnh Nghệ An làm chủ đầu tư. Trong quá trình thi công công trình trên, Công ty 84 không thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng cho đến khi làm hồ sơ quản lý chất lượng công trình để làm hồ sơ quyết toán thì Lê Ngọc H liên hệ với Lê Thị N (Phó Giám đốc Công ty 36) để thuê làm giả tài liệu thí nghiệm vật liệu công trình trên. N giao cho Nguyễn Đình T (Nhân viên Công ty 36) thực hiện việc chỉnh sửa các kết quả thí nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn liên quan đáp ứng điều kiện yêu cầu và phù hợp thời gian theo yêu cầu của phía nhà thầu chứ không thực hiện thi nghiệm để xác định kết quả thực tế. Sau khi làm giả xong tài liệu thí nghiệm, N chuyển cho Lê Ngọc H và nhận số tiền chi phí làm giả hồ sơ thí nghiệm là 2.336.000 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Nhận được 01 tài liệu thí nghiệm giả của Công ty Cổ phần 36, Lê Ngọc H đưa cho Nguyễn Xuân V - Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng 1 Nghệ An là đơn vị được chủ đầu tư hợp đồng thuê giám sát đối với công trình trên ký tên vào tài liệu thí nghiệm giả, hoàn thiện hồ sơ để H nộp cho chủ đầu tư là Hội chữ thập đỏ tỉnh Nghệ An phục vụ việc nghiệm thu và quyết toán công trình. Công trình đã được nghiệm thu, quyết toán và đưa vào sử dụng.

4. Công ty TNHH xây dựng Trà Lân (Giám đốc, người đại diện pháp luật là Phan Thanh T) hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (Sau đây gọi tắt là Công ty Trà Lân). Năm 2024, Công ty Trà Lân thi công Công trình "Đường vào khu dân cư Măng Đắng, bản Trung Hương, xã Yên Khê, huyện Con Cuông" do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Con Cuông (cũ) làm chủ đầu tư. Trong quá trình thi công, Công ty Trà Lân không thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng cho đến khi làm hồ sơ quản lý chất lượng công trình để làm hồ sơ quyết toán thì Phan Thanh T đã liên hệ với Lê Thị N (Phó Giám đốc Công ty 36) thuê làm giả tài liệu thí nghiệm vật liệu công trình trên. N giao cho Nguyễn Hữu K thực hiện. Sau đó, Phan Thanh T liên hệ với Đinh Hoàng G – nhân viên Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng ATD (địa chỉ: khối V, xã B, tỉnh B) là đơn vị được chủ đầu tư hợp

đồng thuê giám sát đối với công trình để Đinh Hoàng G trao đổi với K thống nhất chỉnh sửa ngày, tháng lấy mẫu thí nghiệm, chỉnh sửa các kết quả thí nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn liên quan đáp ứng điều kiện yêu cầu và phù hợp thời gian theo yêu cầu của phía nhà thầu chứ không thực hiện thí nghiệm để xác định kết quả thực tế. Sau khi làm giả xong tài liệu thí nghiệm, N chuyển cho T nhưng T chưa thanh toán tiền cho N. Sau khi nhận được 01 tài liệu thí nghiệm giả của Công ty 36, Phan Thanh T đưa cho Đinh Hoàng G ký tên vào tài liệu thí nghiệm giả, hoàn thiện hồ sơ để T nộp cho chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Con Cuông để nghiệm thu và quyết toán công trình. Công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chưa được quyết toán.

5. Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và dịch vụ lao động Nghệ An (Giám đốc, người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Thanh B) hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (Sau đây gọi tắt là Công ty dịch vụ lao động Nghệ An). Năm 2024, Công ty dịch vụ lao động Nghệ An thi công Công trình "Sửa chữa hội trường nhà văn hóa xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc" và công trình "Xây dựng mới nhà đa chức năng, cải tạo nhà học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ, trường tiểu học xã Nghi Thái" do UBND xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc (cũ) làm chủ đầu tư. Trong quá trình thi công 02 công trình trên, Công ty dịch vụ lao động Nghệ An không thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng cho đến khi làm hồ sơ quản lý chất lượng công trình để làm hồ sơ quyết toán thì ông Nguyễn Thanh B thuê Nguyễn Đức N làm hồ sơ quản lý chất lượng công trình. N liên hệ với Lê Thị N (Phó Giám đốc Công ty 36) để thuê làm giả tài liệu thí nghiệm vật liệu các công trình trên. N giao cho Nguyễn Hữu K thực hiện việc chỉnh sửa các kết quả thí nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn liên quan đáp ứng điều kiện yêu cầu và phù hợp thời gian theo yêu cầu của phía nhà thầu chứ không thực hiện thí nghiệm để xác định kết quả thực tế. Sau khi làm giả xong tài liệu thí nghiệm, N chuyển cho N và nhận số tiền chi phí làm giả hồ sơ thí nghiệm là 2.080.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Nhận được 02 tài liệu thí nghiệm giả 02 công trình của Công ty 36, N hoàn thiện hồ sơ đưa lại cho ông Nguyễn Thanh B. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thanh B chưa nộp các tài liệu giả trên cho UBND xã Nghi Thái để nghiệm thu và quyết toán công trình. Ông B cũng không đưa cho ông Đặng Trung Đ– Giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Minh Trí là đơn vị được chủ đầu tư hợp đồng thuê giám sát đối với các công trình trên để ký vào tài liệu thí nghiệm giả và ông Đ cũng không biết về việc làm giả và sử dụng tài liệu thí nghiệm giả đối với 02 công

trình trên. Cả 2 công trình đều chưa được nghiệm thu, quyết toán và đưa vào sử dụng.

6. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Decons (Giám đốc, người đại diện pháp luật là Phạm Xuân V) hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (Sau đây gọi tắt là Công ty Decons). Năm 2025, Công ty Decons thi công Công trình "Tuyến mương tiêu thuc khối Trung Thanh (từ đường Phạm Nguyễn Du xuống đường ven sông Lam phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò" do Ủy ban nhân dân phường Nghi Hải, thị Cửa Lò (cũ) làm chủ đầu tư. Trong quá trình thi công, Công ty Decons không thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng cho đến khi làm hồ sơ quản lý chất lượng công trình để làm hồ sơ quyết toán thì Phạm Xuân V chỉ đạo nhân viên công ty là Nguyễn Văn C liên hệ với Nguyễn Văn D (Giám đốc Công ty 36) để thuê làm giả tài liệu thí nghiệm vật liệu của công trình trên. D thực hiện việc chỉnh sửa các kết quả thí nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn liên quan đáp ứng điều kiện yêu cầu và phù hợp thời gian theo yêu cầu của phía nhà thầu chứ không thực hiện thí nghiệm để xác định kết quả thực tế. Sau khi làm giả xong tài liệu thí nghiệm, D chuyển cho Nguyễn Văn C nhưng Phạm Xuân V chưa thanh toán tiền làm giả tài liệu thí nghiệm cho D. Nhận được 01 tài liệu thí nghiệm giả 01 công trình của Công ty 36, Công ty Decons hoàn thiện hồ sơ và nộp cho chủ đầu tư là UBND phường Nghi Hải để nghiệm thu và quyết toán công trình. Phạm Xuân V không đưa cho ông Nguyễn Chí M – Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại 586 là đơn vị được chủ đầu tư hợp đồng thuê giám sát đối với các công trình trên để ký vào tài liệu thí nghiệm giả và ông M cũng không biết về việc làm giả và sử dụng tài liệu thí nghiệm giả đối với công trình trên. Công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chưa quyết toán công trình.

Nhận thức được hành vi phạm tội của mình, từ ngày 17/6/2025 đến 01/11/2025, lần lượt Nguyễn Văn D, Lê Thị N, Nguyễn Hữu K, Nguyễn Đình T, Nguyễn Dũng H, Lê Ngọc H, Nguyễn Xuân V, Nguyễn Hữu H, Trần Hoài N, Nguyễn Đức N, Phan Thanh T, Đinh Hoàng G, Phạm Xuân V, Nguyễn Văn C, Trần Văn K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An đầu thú. Đồng thời tự nguyện giao nộp 14 chiếc điện thoại di động, 04 chiếc máy tính xách tay, 01 màn hình máy tính và 01 CPU.

Kết luận giám định số 159/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 09/12/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, kết luận:

- Chữ ký dưới mục "TƯ VẤN GIÁM SÁT" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Đinh Hoàng G trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một người ký ra. - Chữ ký dưới mục "TV. GIÁM SÁT" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký của Nguyễn Xuân V trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M8 đến M14 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục "TƯ VẤN GIÁM SÁT" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký của Hoàng Hải N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M15 đến M17 không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký dưới mục "TƯ VÁN GIÁM SÁT" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký do Nguyễn Dũng H ký trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M18 đến M23 là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Lê Văn D dưới mục "NGƯỜI THÍ NGHIỆM" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 là chữ ký được tạo ra bằng phương pháp in laser nên không tiến hành giám định so sánh truy nguyên.

- Chữ ký mang tên Đặng Văn T dưới mục "NGƯỜI THÍ NGHIỆM" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A8 là chữ ký được tạo ra bằng phương pháp in laser nên không tiến hành giám định so sánh truy nguyên.

- Chữ ký dưới mục "TP. THÍ NGHIỆM" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A8 là chữ ký được tạo ra bằng phương pháp in laser nên không tiến hành giám định so sánh truy nguyên.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn D dưới mục "GIÁM ĐỐC" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A8 là chữ ký được tạo ra bằng phương pháp in laser nên không tiến hành giám định so sánh truy nguyên.

- Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG 36" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A8 so với hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY CÓ PHÂN TƯ VẤN KIÊM ĐỊNH XÂY DỤNG 36" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M24 đến M26 là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu thoi có nội dung "XD LAS 1444" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A8 so với hình dấu thoi có nội dung "XD LAS 1444" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M27 đến M29 là do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSKV1 ngày 01/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Thị N, Nguyễn Đức N bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Nghệ An truy tố về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật

Hình sự. Bị cáo Nguyễn Hữu K bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Nghệ An truy tố về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Dũng H, Lê Ngọc H, Nguyễn Xuân V, Phan Thanh T, Phạm Xuân V, Nguyễn Văn C bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Nghệ An truy tố về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Hữu H, Trần Hoài N, Trần Văn K bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Nghệ An truy tố về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Đình T, Đinh Hoàng G bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Nghệ An truy tố về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Nghệ An thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D từ 30-33 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức"

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Thị N từ 30-33 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức"

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức N từ 24-27 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48-54 tháng về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức"

4. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu K 36 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức"

5. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu H từ 24-27 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48-54 tháng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"

6. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn K từ 24-27 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48-54 tháng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"

7. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Dũng H từ 50 – 60 triệu đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"

8. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc H từ 50 – 60 triệu đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"

9. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân V từ 50 – 60 triệu đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"

10. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh T từ 50 – 60 triệu đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"

11. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân V từ 50 – 60 triệu đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"

12. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C từ 50 – 60 triệu đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"

13. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Hoài N từ 50 -60 triệu đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức"

14. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T từ 50 – 60 triệu đồng tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức"

15. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đinh Hoàng G từ 50 – 60 triệu đồng về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức"

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước các điện thoại, máy tính thu giữ của các bị cáo.

- Tịch thu sung Ngân sách số tiền 7.016.000 đồng bị cáo Lê Thị N đã nộp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu K đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K.

Các bị cáo không tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên toà, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên toà. Như vậy đủ cơ sở để kết luận:

Trong thời gian từ năm 2021 đến năm 2025 tại Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng 36 có địa chỉ tại phường C, tỉnh B, Nguyễn Văn D (Giám đốc) đã có hành vi làm giả 04 hồ sơ, tài liệu thí nghiệm cho Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng 879 do Nguyễn Hữu H làm Giám đốc và Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Decons do Phạm Xuân V làm Giám đốc nhưng các bên đều chưa thanh toán chi phí cho D; Lê Thị N (là Phó Giám đốc Công ty) đã có hành vi làm giả 05 hồ sơ, tài liệu thí nghiệm cho Công ty Cổ phần Lamriver do Nguyễn Dũng H làm Giám đốc, Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại 84 do Lê Ngọc H làm Giám đốc, Công ty TNHH xây dựng Trà Lân do Phan Thanh T làm Giám đốc và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và dịch vụ Lao động tỉnh Nghệ An do ông Nguyễn Thanh B làm Giám đốc đồng thời N đã thu lợi bất chính số tổng số tiền 7.016.000 đồng (Bảy triệu không trăm mười sáu nghìn đồng) từ các Công ty trên; Nguyễn Hữu K (Nhân viên) đã có hành vi làm giả 07 hồ sơ, tài liệu thí nghiệm cho Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng 879 do Nguyễn Hữu H làm Giám đốc, Công ty Cổ phần Lamriver do Nguyễn Dũng H làm Giám đốc, Công ty TNHH xây dựng Trà Lân do Phan Thanh T làm Giám đốc và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và dịch vụ Lao động tỉnh Nghệ An do ông Nguyễn Thanh B làm Giám đốc; Nguyễn Đình T – là nhân viên Công ty đã có hành vi làm giả 01 hồ sơ, tài liệu thí nghiệm cho Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại 84 do Lê Ngọc H làm Giám đốc. Sau khi nhận được hồ sơ, tài liệu giả thì Nguyễn Hữu H,

Trần Hoài N, Trần Văn K đã có hành vi sử dụng 03 tài liệu giả để thanh quyết toán công trình; Nguyễn Dũng H, Lê Ngọc H, Nguyễn Xuân V, Phan Thanh T, Phạm Xuân V, Nguyễn Văn C đã có hành vi sử dụng 01 tài liệu giả để thanh quyết toán công trình. Ngoài ra, Nguyễn Đức N có hành vi làm giả 02 hồ sơ, tài liệu cho Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và dịch vụ Lao động tỉnh Nghệ An do ông Nguyễn Thanh B làm Giám đốc và Đinh Hoàng G có hành vi làm giả 01 hồ sơ, tài liệu cho Công ty TNHH xây dựng Trà Lân do Phan Thanh T làm Giám đốc.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Nghệ An truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Thị N, Nguyễn Đức N về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Hữu K về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Dũng H, Lê Ngọc H, Nguyễn Xuân V, Phan Thanh T, Phạm Xuân V, Nguyễn Văn C về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Hữu H, Trần Hoài N, Trần Văn K về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn Đình T, Đinh Hoàng G về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2.2]. Xét tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật, nhưng vì lợi ích cá nhân các bị cáo đã "làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức" và "sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của các cơ quan, tổ chức. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo với một mức án đủ nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Tất cả các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã đầu thú. Bị cáo Nguyễn Văn D hiện đang thờ cúng liệt sĩ, mẹ bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì; Lê Thị N có bố được tặng kỷ niệm chương, bằng khen, giấy khen; Nguyễn Xuân V có bố được tặng thưởng huân, huy chương; Bị cáo Lê Ngọc H có bố được tặng thưởng huy chương chiến

sĩ vẻ vang, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An, Giấy khen của UBND huyện Nam Đàn; Nguyễn Đức N có bố được tặng huân chương; Bị cáo Nguyễn Văn C có ông, bà nội được tặng thưởng huân, huy chương; Bị cáo Trần Hoài N có bố, mẹ được tặng thưởng huân chương; Bị cáo Trần Văn K có bố, mẹ được tặng thưởng huy chương; Bị cáo Đinh Hoàng G có bố, mẹ có nhiều thành tích được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương nên cần áp dụng cho tất cả các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Dũng H, Lê Ngọc H, Nguyễn Xuân V, Phan Thanh T, Đinh Hoàng G, Phạm Xuân V và Nguyễn Văn C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Hoài N được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Lê Thị N đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền thu lợi nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là phù hợp.

Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có nhiều bị cáo tham gia với tính chất đồng phạm nhưng giản đơn. Vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo là khác nhau nên cần xem xét, đánh giá đầy đủ để xác định trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Thị N, Nguyễn Hữu K: Đây là các bị cáo giữ vai trò chính trong việc thực hiện hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Nguyễn Văn D là Giám đốc, Lê Thị N là Phó Giám đốc của Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng 36, là người tổ chức và điều hành hoạt động làm giả hồ sơ thí nghiệm vật liệu xây dựng. Bị cáo D, N trực tiếp tiếp nhận yêu cầu của các đơn vị thi công, phân công nhân viên thực hiện, chuyển giao tài liệu giả cho khách hàng để sử dụng trong hoạt động nghiệm thu, thanh quyết toán công trình; Bị cáo Nguyễn Hữu K là Trưởng phòng thí nghiệm của Công ty 36, là người trực tiếp sử dụng chuyên môn nghiệp vụ để chỉnh sửa, lập khống các kết quả thí nghiệm vật liệu xây dựng theo yêu cầu của khách hàng với số lượng tài liệu giả do bị cáo trực tiếp tham gia thực hiện là nhiều nhất trong vụ án nên cần áp dụng cho các bị cáo mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Thị N và Nguyễn Hữu K đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có

nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức N: Tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức, không phải là người khởi xướng, tổ chức, điều hành hoặc quyết định việc làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Nguyễn Hữu H, Trần Văn K, Trần Hoài N là những người sử dụng tài liệu giả. Các bị cáo không phải là người khởi xướng việc làm giả tài liệu, không tham gia điều hành hoạt động làm giả tài liệu. Xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi hành vi bị phát hiện đã tự nguyện đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo Nguyễn Hữu H, Trần Văn K khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục. Đối với bị cáo Trần Hoài N có thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, vừa thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, đồng thời vẫn bảo đảm tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với các bị cáo Nguyễn Dũng H, Phạm Xuân V, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T, Phan Thanh T, Lê Ngọc H, Nguyễn Xuân V và Đinh Hoàng G: Hội đồng xét xử nhận thấy đây là những bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án. Hành vi phạm tội của các mang tính đơn lẻ, không giữ vai trò tổ chức, chỉ đạo. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử thấy áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, vừa thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, đồng thời vẫn bảo đảm tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[2.3]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, điều luật còn quy định có thể áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo trong vụ án không có thu nhập ổn định. Các bị cáo cũng đã phải chịu hình phạt chính tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm

của hành vi phạm tội. Do đó, xét hoàn cảnh kinh tế, điều kiện nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[2.4]. Về vật chứng:

Đối với các vật chứng gồm:

- 01 (một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP, loại ProBook 4540s, màu bạc, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn D.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiện Iphone, loại 16 PRO MAX, màu vàng, số seri GXMK2JG2JL, số IMEI 358409812382035, bên trong có gắn thẻ sim số 0919629797, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn D.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiện Samsung, loại Z FOLD 5, màu xanh, số seri RFCW80LKEQJ, IMEII: 352271451157078, IMIE2: 355859491157079, bên trong có gắn thẻ sim số 0985656622, đã qua sử dụng của Lê Thị N.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiện Samsung, loại A32, màu đen, số seri RF8R50YVL9X, số IMEII: 355870660843787; số IMEI2: 357848350843786 bên trong có gắn thẻ sim số 0985055440, đã qua sử dụng của Nguyễn Hữu K.

- 01 (một) màn hình máy tính nhãn hiệu WiewSonic, Model No: VS16216, màu đen, đã qua sử dụng của Nguyễn Hữu K.

- 01 (một) CPU máy tính nhãn hiệu Segotep, màu đen đã qua sử dụng của Nguyễn Hữu K.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại V2116, màu xanh, số seri 34203041360017A, IMEI1: 867253058480739; IME12: 867253058480721 bên trong có gắn thẻ sim số 0984404812, đã qua sử dụng của Nguyễn Đình T.

- 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, loại Inprion 15-5548, màu đen bạc, đã qua sử dụng của Nguyễn Đình T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 353806084254062, bên trong có gắn thẻ sim số: 0913.323.660, đã qua sửdụng của Nguyễn Hữu H.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu đen, số IMEI 1:864415050431316, số IMEI 2: 864415050431308, bên trong có gắn thẻ sim số 0973.956.586, đã qua sử dụng của Trần Văn K.

- 01 (một) CPU màu đen, nhãn hiệu VSP, đã qua sử dụng của Trần Văn K.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Plus, màu đen, số sê ri V7NJC6C7JM, số IMEI: 350979730965655, số IMEI2: 350979730660173 có gắn thẻ sim số 0941.806.336, đã qua sử dụng của Nguyễn Dũng H.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu đen, số IMEI 1: 356417995426935; số IMEI 2: 356417995878846, bên trong có gắn thẻ sim 0945.248.686, đã qua sử dụng của Phan Thanh T.

- 01 (một) máy tính Laptop màu ghi bạc, nhãn hiệu Acer, đã qua sử dụng của Phan Thanh T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu trắng, số IMEI: 354991074172257, bên trong có gắn thẻ sim số 0968.463.684, đã qua sử dụng của Lê Ngọc H.

- 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone XS Max, màu đen, số IMEI 353106106500513, bên trong có gắn thẻ sim số 0812.143.256, đã qua sửdụng của Nguyễn Xuân V.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14, màu đen, có số IMEI 1: 355823775583913, số IMEI 2: 355823775863034, đã qua sử dụng của Đinh Hoàng G.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu hồng, có số IMEI 1:350970307142810/01, IMEI 2: 355894257142817/01, bên trong có gắn thẻ sim số 0368.292.117, đã qua sử dụng của Nguyễn Đức N.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xám, số IMEI1: 353239105920000; số IMEI2: 353239107451368, có gắn thẻ sim số 0989.691.456, đã qua sử dụng của Nguyễn Văn C.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu BlackBerry, màu đen, số IMEI1: 36820305041562; có gắn thẻ sim số 0974.335.568, đã qua sử dụng của Phạm Xuân V.

Đây là công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 7.016.000 đồng *(bảy triệu không trăm mười sáu nghìn đồng)* bị cáo Lê Thị N thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội. Bị cáo Lê Thị N đã tự nguyện giao nộp là số tiền nên cần sung vào Ngân sách Nhà nước.

[2.5] Đối với ông Nguyễn Thanh B - là Giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và dịch vụ lao động Nghệ An đã liên hệ với Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng 36 thực hiện việc chỉnh sửa các kết quả thí nghiệm theo quy chuẩn kỹ

thuật, tiêu chuẩn liên quan đáp ứng điều kiện yêu cầu và phù hợp thời gian theo yêu cầu của phía nhà thầu chứ không thực hiện thí nghiệm để xác định kết quả thực tế. Sau khi nhận được tài liệu thí nghiệm giả của Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng 36, Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và dịch vụ lao động Nghệ An hoàn thiện hồ sơ nhưng chưa nộp cho chủ đầu tư là UBND xã Nghi Thái (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An) để nghiệm thu và thanh toán công trình. Đến nay, công trình chưa được quyết toán. Do vậy, hành vi của ông Nguyễn Thanh B không đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đối với ông Hà Đình T - là Giám đốc Công ty TNHH tư vấn xây dựng và đào tạo HDT, quá trình giám sát thí nghiệm vật liệu xây dựng ông T không tiến hành giám sát, không ký vào phiếu kết quả thí nghiệm và không biết Công ty Cổ phần Lamriver thuê Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng 36 làm giả tài liệu thí nghiệm vật liệu xây dựng. Do vậy, không đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" đối với ông Hà Đình T.

Đối với ông Đặng Trung Đ - là Giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Minh Trí, quá trình giám sát thí nghiệm vật liệu xây dựng do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và dịch vụ lao động Nghệ An thi công, ông Đ không tham gia giám sát thí nghiệm xây dựng, không ký vào phiếu kết quả thí nghiệm và không biết Công ty Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và dịch vụ lao động Nghệ An thuê Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng 36 làm giả 02 hồ sơ thí nghiệm vật liệu xây dựng. Do vậy, không đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" đối với ông Đặng Trung Đ.

Đối với ông Võ Văn P - là Giám đốc Công ty TNHH tư vấn xây dựng 189, quá trình giám sát thí nghiệm vật liệu xây dựng ông P không tiến hành giám sát, không ký vào phiếu kết quả thí nghiệm và không biết Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng 879 thuê Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng 36 làm giả 03 hồ sơ thí nghiệm vật liệu xây dựng. Do vậy, không đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" đối với ông Võ Văn P.

Đối với ông Nguyễn Chí M - là Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại 58, quá trình giám sát thí nghiệm vật liệu xây dựng do Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Decons thi công thì Nguyễn Chí M không tham gia thí nghiệm vật liệu xây dựng, không ký vào phiếu kết quả thí nghiệm và không biết

Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Decons thuê Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng 36 làm giả tài liệu thí nghiệm vật liệu xây dụng. Do đó không đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" đối với ông Nguyễn Chí M.

Đối với chủ đầu tư của sáu dự án: Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, các chủ đầu tư đã ký hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình với các đơn vị có giấy phép hoạt động tư vấn giám sát theo đúng quy định. Trong hợp đồng quy định trách nhiệm của tư vấn giám sát được thực hiện theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Các chủ đầu tư không tham gia, không biết các đơn vị, cá nhân thực hiện làm giả tài liệu thí nghiệm vật liệu xây dựng; các công trình đã hoàn thành, nghiệm thu, đưa vào sử dụng cho đến nay không xác định thiệt hại. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với chủ đầu tư.

Đối với các thành viên là cổ đông của các công ty: Kết quả điều tra xác định các thành viên có tên cổ đông không tham gia hoạt động công ty, không được chia lợi nhuận, không biết hành vi "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với các cổ đông của các Công ty.

[2.6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/6/2026). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Thị N 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/6/2026). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức N 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/6/2026). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu K 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/6/2026). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

5. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu H 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/6/2026) về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

6. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn K 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/6/2026) về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phúc Lộc, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Dũng H 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

8. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân V 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

9. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

10. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Hoài N 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

11. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

12. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh T 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

13. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc H 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

14. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân V 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

15. Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đinh Hoàng G 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Gia đình các bị cáo được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước đối với:

- 01 (một) chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP, loại ProBook 4540s, màu bạc, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiện Iphone, loại 16 PRO MAX, màu vàng, số seri GXMK2JG2JL, số IMEI 358409812382035, bên trong có gắn thẻ sim số 0919629797, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiện Samsung, loại Z FOLD 5, màu xanh, số seri RFCW80LKEQJ, IMEI: 352271451157078, IMIE2: 355859491157079, bên trong có gắn thẻ sim số 0985656622, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiện Samsung, loại A32, màu đen, số seri RF8R50YVL9X, số IMEI: 355870660843787; số IMEI2: 357848350843786 bên trong có gắn thẻ sim số 0985055440, đã qua sử dụng.

- 01 (một) màn hình máy tính nhãn hiệu WiewSonic, Model No: VS16216, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 (một) CPU máy tính nhãn hiệu Segotep, màu đen đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại V2116, màu xanh, số seri 34203041360017A, IMEI1: 867253058480739; IMEI2: 867253058480721 bên trong có gắn thẻ sim số 0984404812, đã qua sử dụng.

- 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, loại Inprion 15-5548, màu đen bạc, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, số IMEI: 353806084254062, bên trong có gắn thẻ sim số: 0913.323.660, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu đen, số IMEI 1: 864415050431316, số IMEI 2: 864415050431308, bên trong có gắn thẻ sim số 0973.956.586, đã qua sử dụng.

- 01 (một) CPU màu đen, nhãn hiệu VSP, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Plus, màu đen, số sê ri V7NJC6C7JM, số IMEI1: 350979730965655, số IMEI2: 350979730660173 có gắn thẻ sim số 0941.806.336, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu đen, số IMEI 1: 356417995426935; số IMEI 2: 356417995878846, bên trong có gắn thẻ sim 0945.248.686, đã qua sử dụng.

- 01 (một) máy tính Laptop màu ghi bạc, nhãn hiệu Acer, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus, màu trắng, số IMEI: 354991074172257, bên trong có gắn thẻ sim số 0968.463.684, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone XS Max, màu đen, số IMEI 353106106500513, bên trong có gắn thẻ sim số 0812.143.256, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14, màu đen, đã qua sửdụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu hồng, có số IMEI 1: 350970307142810, IMEI 2: 355894257142817, bên trong có gắn thẻ sim số 0368.292.117, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xám, số IMEI: 353239105920000; số IMEI2: 353239107451368, có gắn thẻ sim số 0989.691.456, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu BlackBerry, màu đen, số IMEI1: 368203050415 62; có gắn thẻ sim số 0974.335.568, đã qua sử dụng.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng số 183 ngày 11/6/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An và Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Nghệ An).

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước đối với khoản tiền 7.016.000 đồng *(bảy triệu không trăm mười sáu nghìn đồng)* do bị cáo Lê Thị N đã nộp vào tài khoản tạm giữ số 394101068597, tên tài khoản Sở Tài chính tỉnh Nghệ An theo Chứng từ giao dịch số 110326.0004.000034 ngày 11/03/2026

3. Về án phí: Căn cứ vào điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu K, Lê Ngọc H, Lê Thị N, Nguyễn Đình T, Nguyễn Xuân V, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Dũng H, Nguyễn Đức N, Trần Văn K, Đinh Hoàng G, Trần Hoài N, Phạm Xuân V, Phan Thanh T, Nguyễn Văn C mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND khu vực 1-Nghệ An;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *Công an tỉnh Nghệ An;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;*
- *Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND nơi cư trú của bị cáo;*
- *Lưu./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Đức Thuý